

Điểm nhấn



Biến động dự trữ dầu thô tại Mỹ (Đơn vị: Triệu thùng, IEA)

- Dầu WTI (+2,2% DoD):** Giá dầu thô tăng 2,2%, đạt 75,75 USD/thùng sau ngày 18/7, mặc cho dự báo suy giảm nhu cầu dầu trong năm 2023 từ các tổ chức năng lượng thế giới như EIA (Cơ quan thông tin năng lượng Mỹ) và IEA (Cơ quan năng lượng quốc tế). Nguyên nhân đến từ cam kết hỗ trợ kinh tế từ Trung Quốc cũng như mức dự trữ dầu thô hàng tuần của Mỹ đang có xu hướng suy giảm.
- Than (+2.48% DoD):** Giá than tăng 2.48%, đạt 134.35 USD/T, nguyên nhân đến từ bối cảnh gián đoạn mỏ than do lũ lụt tại Ấn Độ gần đây, ảnh hưởng đến nguồn cung trên thị trường than nhiệt, khiến các công ty lần lượt tăng giá bán trong ngắn hạn.
- Ngô (+5.9 DoD):** Giá ngô tăng mạnh lên 528.75 USD/Bu; đánh dấu sự phục hồi rõ ràng nhất trong vòng 2 năm trở lại; đà tăng này đã dẫn dắt nhóm nông sản trong bối cảnh lo ngại về mùa vụ ở Mỹ chưa kết thúc và thắt chặt vận tải xuất khẩu nông sản ở Biển Đen.

Ngành chú ý & đánh giá của Wetrade

Hàng hóa	Trend hàng hóa	Ngành đáng chú ý	Xu hướng giá cổ phiếu của ngành	Cổ phiếu đáng chú ý	Wetrade Ratings
Dầu	Hồi phục	Dầu khí	Hồi phục	PVD	A
				BSR	C
				PVS	C
Than	Suy yếu	Tài nguyên cơ bản	Tăng mạnh	NBC	C
				TDN	C
				TVD	B
Ngô	Giảm mạnh	Thực phẩm và đồ uống	Giảm mạnh	BAF	-
				DBC	A
				HAG	A

Truy cập wetrade.dsc.com.vn để theo dõi hệ thống xếp hạng cổ phiếu

Chỉ số vĩ mô & thị trường chứng khoán & thị trường hàng hóa

CHỈ SỐ VĨ MÔ													
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
S&P 500	4,555	▲ 0.7%	Tăng mạnh	▲ 9.6%	▲ 15.9%		BCOM index	104.91	▲ 1.3%	Hồi phục	▼ -3.5%	▼ -6.0%	
US 10Y	3.79	▼ -0.5%	Suy yếu	▲ 7.4%	▲ 12.3%		Baltic Dry Index	1,073	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -21.6%	▲ 22.8%	
VNIndex	1,174	▲ 0.1%	Tăng mạnh	▲ 11.3%	▲ 6.9%		Baltic Dirty Index	970	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -19.0%	▼ -31.7%	
Dollar Index	99.96	▲ 0.1%	Giảm mạnh	▼ -1.7%	▼ -2.3%								

GIÁ HÀNG HÓA

NĂNG LƯỢNG

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Dầu Brent	79.63	▲ 1.4%	Hồi phục	▼ -6.1%	▼ -6.5%	
Dầu WTI	75.75	▲ 2.2%	Hồi phục	▼ -6.3%	▼ -5.3%	
Khí tự nhiên	2.63	▲ 4.8%	Hồi phục	▲ 11.2%	▼ -14.8%	
Than	134.25	▲ 2.4%	Suy yếu	▼ -28.7%	▼ -63.5%	

NÔNG NGHIỆP

Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Bông	83.78	▲ 1.7%	Suy yếu	▼ -1.2%	▼ -1.6%	
Heo hơi	61.60	▼ -0.2%	Hồi phục	▲ 20.3%	▲ 18.2%	
Ngô	528.75	▲ 5.9%	Giảm mạnh	▼ -22.0%	▼ -22.4%	
Đường	23.86	▲ 0.3%	Suy yếu	▼ -2.8%	▲ 20.4%	
Gạo	15.58	▲ 1.4%	Suy yếu	▼ -10.2%	▼ -13.3%	
Cao Su	129.20	▲ 0.0%	Suy yếu	▼ -5.8%	▼ -9.5%	

KIM LOẠI							CÔNG NGHIỆP						
Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M	Chỉ số	Giá trị	% D	XH trung hạn	% 3M	% 6M	Giá 6M
Quặng Sắt	116.50	▲ 0.9%	Hồi phục	▼ -3.7%	▼ -5.3%		Urea	410.00	▲ 5.8%	Hồi phục	▲ 19.7%	▼ -16.5%	
Thép	3,678	▼ -0.9%	Suy yếu	▼ -7.0%	▼ -10.5%		Nhôm	2,206	▼ -2.3%	Hồi phục	▼ -9.5%	▼ -16.4%	
Thép HRC	548.00	▲ 0.0%	Hồi phục	▼ -12.7%	▼ -12.3%								
Vàng	1,979	▲ 1.2%	Suy yếu	▼ -1.3%	▲ 4.0%								



Cổ phiếu

CTCP Lọc – Hóa dầu Bình Sơn – UPCOM

Động lượng

B – Điểm xu hướng “khá”, BSR xuất hiện nến pocket trong nền mở xu hướng tăng mới (ngày 10/07) sau nền tích lũy đi ngang 1 tháng qua.

Xu hướng kỹ thuật

Biến động lớn trong phiên mở xu hướng ngày 10/07 kèm động lượng thanh khoản cao cho thấy vị thế hấp thụ áp lực cung một cách quyết liệt. Xu hướng ngắn hạn được bầu víu vào vị thế trên. Diễn biến sắp tới xuất hiện nhịp điều chỉnh thanh khoản thấp, dự báo là nhịp điều chỉnh lành mạnh cho xu hướng tăng tiếp diễn.

Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn: Chỉ báo MACD và RSI giữ ở trạng thái trung lập. BSR vi phạm tín hiệu ngắn hạn Ma10. Đánh giá chung, thiếu động lượng mua lên bứt phá cản 18.5, BSR cần nhịp tích lũy trở lại.

- Điểm mua ưu tiên tại vùng giá 18
- Điểm quản trị rủi ro: giá 17
- Mục tiêu ngắn hạn: 20; Upside ~11%

Chiến lược mua: NĐT tham gia tỷ trọng thăm dò quanh vùng giá 18. Trong TH, BSR vượt cản 18.5, NĐT chủ động mở vị thế gia tăng.

Khuyến nghị

3-4 tuần

QUAN SÁT

Thời gian giao dịch kỳ vọng

3-4 tuần

Điểm DSC		
Tăng trưởng	Giá trị	Đà tăng
D	B	B
Hành động		
Điểm mua	18	
Mục tiêu	20	
Cắt lỗ	17	
Reward/Risk	2.00	
Chỉ báo	Đánh giá	
MA	Tích lũy	
RSI	Trung lập	
MACD	Trung lập	
Mục tiêu		
Hỗ trợ (1)	18	
Hỗ trợ (2)	17	
Kháng cự (1)	20	
Kháng cự (2)	22	

Ảnh hưởng của hàng hóa tới các ngành

Chú thích: (*) Ảnh hưởng nhẹ (**) Ảnh hưởng trung bình (***) Ảnh hưởng mạnh

Hàng hóa	Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Dầu thô WTI Dầu thô Brent	Dầu khí (***); Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***); Thực phẩm và đồ uống (Đường mía)(*)	Hàng & Dịch vụ công nghiệp (*); Du lịch và giải trí (Hàng không), Hóa chất (Nhựa đường)(**); Ô tô và phụ tùng (*); Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (*)
Khí tự nhiên	Điện nước & xăng dầu khí đốt (chế biến và trung chuyển khí)(***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện khí) (***); Hóa chất (Phân bón) (**)
Than	Than và nhiên liệu tiêu hao (***)	Điện nước & xăng dầu khí đốt (Điện than) (***); Hóa chất (Phân bón) (**); Tài nguyên cơ bản (**)
Vàng	Hàng cá nhân & Gia dụng (**)	-
Thép Thép HRC	Tài nguyên cơ bản (***)	Xây dựng và vật liệu (**)
Quặng sắt	-	Tài nguyên cơ bản (Thép) (***)
Cao su	Hóa chất (***)	Ô tô và phụ tùng (***)
Gạo	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (**)	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (**)
Đường	Thực phẩm và đồ uống (Đường mía) (***)	-
Bông	Hàng cá nhân & Gia dụng (ngành sợi) (***)	Hàng cá nhân & Gia dụng (Dệt may) (**)
Lúa mì	-	Thực phẩm và đồ uống (Chăn nuôi và Bia) (***)
Heo hơi	Thực phẩm và đồ uống (chăn nuôi) (***)	-
Cá tra	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Tôm	Thực phẩm và đồ uống (thủy sản) (***)	-
Urea	Hóa chất (phân bón) (***)	Thực phẩm và đồ uống (lương thực) (*)
Nhôm	Hóa chất (phân bón) (**)	Xây dựng và vật liệu (*)
Phot pho vàng	Hóa chất (**)	Hóa chất (phân bón) (**)

Tích cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động có lợi cho ngành

Tiêu cực: Giá hàng hóa tăng sẽ mang lại tác động bất lợi cho ngành